

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày: 08 - 6 - 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Ông **Huỳnh Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh P** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**; Trụ sở: Lầu 8, 266 – 268 Đường N, phường 8, quận 3, HCM; Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Phan Minh N** – Chuyên viên quản lý nợ (*Theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2019*). Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Đoàn Thị Mỹ P**, sinh năm 198x; Trú tại: 132 M, tổ 52 (cũ), tổ 25 (mới), phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 9 năm 2019, bản trình bày ngày 12 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S trình bày: Ngày 17/12/2016, bà Đoàn Thị Mỹ P có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Căn cứ vào thu nhập của bà P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ với hạn mức là 15.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 31/12/2017 bà P thực hiện các giao dịch tổng số tiền 150.020.000đ và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 136.021.000đ, từ sau ngày 31/12/2017 bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ, ngày 31/3/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/9/2019 bà P còn nợ Ngân hàng tổng cộng 30.802.191đ. Trong đó nợ gốc 18.105.639đ, nợ lãi quá hạn 12.696.552đ.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng đề nghị bà P phải thanh toán số tiền nợ nói trên đồng thời tiếp tục tính lãi kể từ ngày 12/9/2019 cho đến khi bà P thanh toán xong khoản nợ, mức lãi suất dựa trên Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị bà P thanh toán số tiền nợ 30.802.191đ, không yêu cầu tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng.

* Quá trình thụ lý, Tòa án gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Đoàn Thị Mỹ P về địa chỉ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã giao kết với Ngân hàng là 132 M, tổ 52 (cũ), tổ 25 (mới), phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, gia đình bà P đã nhận thay các thông báo, cũng như các văn bản tố tụng. Ngoài ra Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và xác minh tại địa P thể hiện bà P vẫn cư trú tại địa chỉ nói trên nhưng bị đơn Đoàn Thị Mỹ P không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và cũng không có mặt tại các phiên họp, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay. Do đó bà P không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho các bên đương sự, đảm bảo để các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền của mình. Bị đơn Đoàn Thị Mỹ P đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến phản hồi. Do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Giữa nguyên đơn Ngân hàng Ngân hàng TMCP S và bị đơn Đoàn Thị Mỹ P đã giao kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng. Cùng với yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh việc bà Đoàn Thị Mỹ P đã vi phạm điều khoản thanh toán của Hợp đồng và còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 12/9/2019 là 30.802.191đ. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút phần yêu cầu về việc tiếp tục tính lãi kể từ ngày 12/9/2019. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng là 30.802.191đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ việc cấp hạn mức tín dụng thông qua hình thức thẻ tín dụng Ngân hàng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Đoàn Thị Mỹ P, căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng thể hiện địa chỉ của bị đơn Đoàn Thị Mỹ P 132 M, tổ 52 (cũ), tổ 25 (mới), phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Sau khi thụ lý, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua người nhận thay thành viên trong gia đình bà P (anh ruột). Qua xác minh tại địa P thể hiện hiện bà P đang cư trú tại địa chỉ nhận văn bản tố tụng, Tòa án cũng kết hợp niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và cũng không có mặt tại các phiên họp, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, bà P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cũng đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ, lời khai thể hiện vào ngày 17/12/2016, bà Đoàn Thị Mỹ P có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, căn cứ mức thu nhập của bà P ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng số tiền 15.000.000đ. Tại phần cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng thể hiện *“Bằng việc ký vào mẫu đơn này, tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/ chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng và cùng với mẫu đơn này tạo nên một Hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Sacombank có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa tôi/chúng tôi và Sacombank. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi/chúng tôi được cấp”*. Tại mục 22 của Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S quy định về cách tính lãi như sau: *“Đối với giao dịch mua hàng hóa, phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên tài khoản (ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt): Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi cho đơn vị phát hành thẻ đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ; Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút; Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo cho chủ thẻ.”*

Vào thời điểm phát hành thẻ cho khách hàng Đoàn Thị Mỹ P thì mức lãi suất cũng như phí rút tiền mặt tại Ngân hàng TMCP S được áp dụng theo Thông báo số 710/TB-TTT ngày 31/12/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S. Trên cơ sở mức quy định về lãi suất tại Thông báo, căn cứ vào số tiền thực tế giao dịch của bà Đoàn Thị Mỹ P, Ngân hàng đã chứng minh được quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 12/9/2019 bà P còn

nợ Ngân hàng tổng cộng 30.802.191đ. Trong đó nợ gốc 18.105.639đ, nợ lãi quá hạn 12.696.552đ.

Như vậy, “*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng*” là một dạng Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà Đoàn Thị Mỹ P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, các điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng được dẫn chiếu theo quy định về Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, Thông báo số 710/TB-TTT ngày 31/12/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S quy định về biểu lãi suất đối với thẻ tín dụng. Việc giao kết hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Việc bà P tham gia sử dụng thẻ nhưng không tuân thủ quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ, không trả nợ theo đúng kỳ hạn, vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán các khoản nợ tính đến ngày 12/9/2019 là 30.802.191đ. Trong đó nợ gốc 18.105.639đ, nợ lãi quá hạn 12.696.552đ là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện theo hướng rút, không yêu cầu bà P phải thanh toán lãi tiếp sau ngày 12/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Xét đây là sự tự nguyện thay đổi của phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn (tại phiên tòa) được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 3; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Đoàn Thị Mỹ P

Xử:

1. Buộc bà Đoàn Thị Mỹ P phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tổng cộng là 30.802.191đ (*Ba mươi triệu tám trăm lẻ hai ngàn một trăm chín mươi mốt đồng*). Trong đó nợ gốc 18.105.639đ, nợ lãi quá hạn 12.696.552đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu

lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị Mỹ P phải chịu 1.540.109đ (*Một triệu năm trăm bốn mươi ngàn một trăm lẻ chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 744.054đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008710 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Công Quốc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đoàn Công Quốc